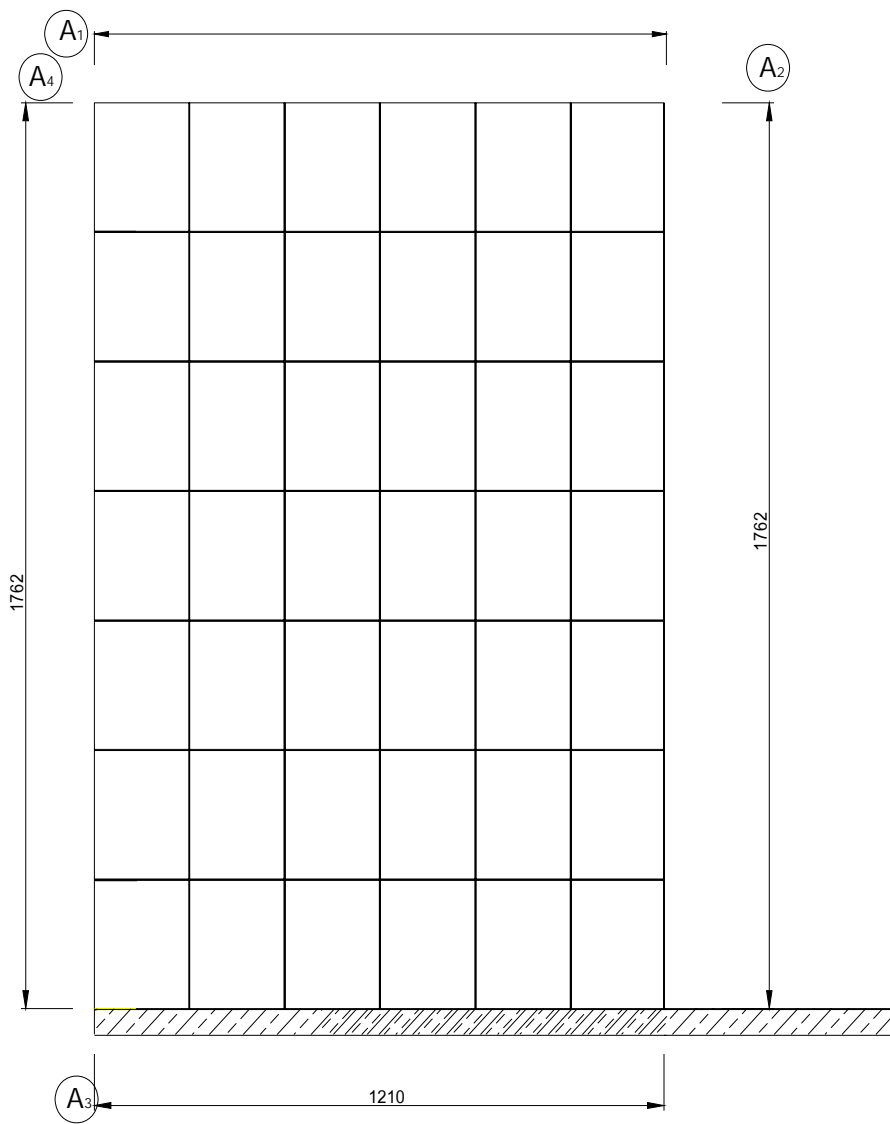


<b>BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ</b>	<b>KỶ THI KỸ NĂNG NGHỀ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA</b>
<b>BÀI THI THỰC HÀNH</b>	
CHUYÊN NGÀNH	CNKT XÂY DỰNG
TÊN NGHỀ	Ốp lát
BẬC TRÌNH ĐỘ	Bậc 2
Thời gian thi	210 phút
Mã số bài thi	CDR-CKX-015

**TÊN BÀI THI: ỐP TƯỜNG VÀ LÁT SÀN**

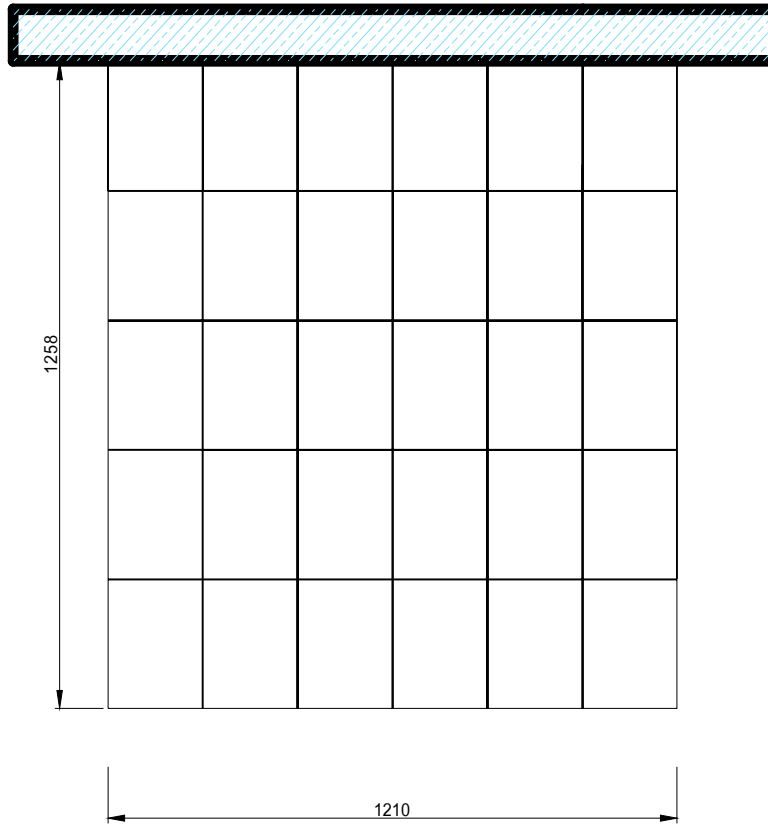
**I. NỘI DUNG BÀI THI VÀ BẢN VẼ**

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thời gian (phút)</i>	<i>Điểm</i>
1	Sử dụng các dụng cụ, vật liệu để ốp tường như hình vẽ đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và mạch ốp 2mm.	120	54
2	Sử dụng các dụng cụ, vật liệu để lát sàn như hình vẽ đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và mạch lát 2mm.	90	46
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>180</b>	<b>100</b>



MẶT ĐÚNG TƯỜNG ỐP

NGHỀ: ỐP LÁT	BÀI THI THỰC HÀNH KĨ NĂNG NGHỀ (CHUẨN ĐẦU RA)	
Người vẽ:		
Duyệt	BẢN VẼ MẶT ĐÚNG TƯỜNG ỐP	
Ngày ....tháng ....năm .....		BẢN VẼ SỐ :01



**MẶT BẰNG LÁT NỀN**

NGHỀ: ỐP LÁT	BÀI THI THỰC HÀNH KĨ NĂNG NGHỀ (CHUẨN ĐẦU RA)	
Người vẽ:		
Duyệt	BẢN VẼ MẶT BẰNG LÁT NỀN	
Ngày ....tháng ....năm .....		BẢN VẼ SỐ :02

## II. MÔ TẢ KỸ THUẬT CỦA BÀI THI

### 2.1. Phạm vi đề thi:

- Đề thi phù hợp cho cả đối tượng nam và nữ dự thi.
- Đề thi không thi phần lý thuyết, chỉ thi thực hành.

### 2.2. Mô tả kỹ thuật bài thi:

#### - *Vật liệu sử dụng:*

- + Gạch men 250x200x6mm;
- + Keo ốp;
- + Xi măng trắng.

#### - *Các kỹ năng cần thiết:*

- + Đọc và nghiên cứu bản vẽ xác định vị trí kích thước;
- + Tính toán số lượng vật liệu tối thiểu theo yêu cầu;
- + Chuẩn bị mặt bằng cần thiết trong công việc ốp tường;
- + Ốp tường theo đúng bản vẽ kỹ thuật;
- + Làm mạch và vệ sinh mặt ốp;
- + Chuẩn bị cho công tác lát nền;
- + Lát nền, sàn đúng bản vẽ kỹ thuật;
- + Làm mạch và vệ sinh mặt lát;
- + An toàn lao động trong thi công.

## III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

### 3.1. Tiêu chí đánh giá và yêu cầu thực hiện:

#### 3.1.1. Tiêu chí đánh giá:

- Đánh giá sự chính xác các kích thước theo đề thi;
- Đánh giá về độ vuông góc của bài thi;
- Đánh giá về độ ngang bằng của mặt nền;
- Đánh giá về độ phẳng mặt của mặt ốp (đánh giá sau khi kết thúc làm bài thi);
- Đánh giá về độ thẳng đứng của mặt, cạnh mặt ốp (đánh giá sau khi kết thúc làm bài thi);
- Đánh giá về quy trình và thời gian thực hiện bài thi (đánh giá quy trình trong quá trình làm bài thi, đánh giá thời gian sau khi kết thúc bài thi);
- Đánh giá hoàn thiện sản phẩm theo bản vẽ;
- Bài thi đạt yêu cầu có tổng số điểm đánh giá từ 50 điểm trở lên.

#### 3.1.2. Yêu cầu thực hiện:

- Đo tính toán và lấy dấu trên mặt tường ốp;
- Chuẩn bị mặt bằng ốp và trộn vữa ốp;
- Ốp các viên móc;
- Ốp các hàng móc và các viên giữa;
- Làm mạch ốp;
- Đo tính toán, lấy dấu cho phần lát sàn;
- Chuẩn bị bề mặt lát,
- Lát các viên móc, hàng móc;
- Lát các hàng giữa;
- Làm mạch lát;

- Vệ sinh mặt ốp, lát và khu vực thi.

**3.2. Hướng dẫn chấm điểm:** Sử dụng phương pháp trừ điểm là cố định số điểm mà người dự thi có từ đầu, số điểm sẽ bị trừ tùy theo lỗi, điểm sau cùng sẽ là số điểm có từ đầu trừ đi số điểm bị trừ.

<b>STT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Thời gian</b>	<b>5</b>		
1.1	Quá thời gian chuẩn đến 5 phút		2	
1.2	Quá thời gian chuẩn trên 5 đến 10 phút		3	
1.3	Quá thời gian chuẩn lớn hơn 10 phút		5	Dừng bài thi
<b>2</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>6</b>		
2.1	Đo tính toán và lấy dấu trên mặt tường ốp và mặt lát sàn		1	Dừng thi và không chấm bài thi nếu thiếu từ 3 bước trở lên
2.2	Chuẩn bị mặt bằng ốp, lát và trộn vữa ốp, lát		1	
2.3	Ốp các viên mốc, các hàng mốc, các viên giữa		1	
2.4	Lát các viên mốc, các hàng mốc, các viên giữa		1	
2.5	Làm mạch ốp, lát		1	
2.6	Tháo dỡ và xếp vào nơi quy định		1	
<b>3</b>	<b>Sử dụng vật liệu</b>	<b>2</b>		
3.1	Sử dụng thêm một phần tử vật liệu		1	
3.2	Sử dụng thêm hai phần tử vật liệu ( <i>chỉ được thêm 2 lần</i> )		2	
<b>4</b>	<b>Chất lượng sản phẩm:</b>	<b>68</b>		
	<b>Ốp tường</b>	<b>38</b>		
4.1	Kích thước phía bên trái của tường		2	Sai số 1mm trừ 0,3 điểm
4.2	Kích thước phía bên phải của tường		2	
4.3	Kích thước hàng trên cùng của mặt ốp		2	
4.4	Kích thước hàng dưới cùng của mặt ốp		2	
4.5	Góc vuông trên bên trái của tường		2	
4.6	Góc vuông trên bên phải của tường		2	
4.7	Độ ngang bằng cạnh trên của tường ốp		2	
4.8	Độ ngang bằng mép trên của hàng gạch thứ 4		2	
4.9	Độ ngang bằng phía trước của tường		2	
4.10	Độ ngang bằng qua đường chéo từ phải qua trái		2	
4.11	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía trái của tường		2	
4.12	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía phải của tường		2	
4.13	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía trên tường		2	
4.14	Phẳng mặt đường chéo tường từ trái qua phải		2	
4.15	Phẳng mặt đường chéo tường từ phải qua trái		2	

4.16	Thẳng đứng mặt bên trái tường ốp		2	
4.17	Thẳng đứng cạnh bên trái tường ốp		2	
4.18	Thẳng đứng mặt bên phải tường ốp		2	
4.19	Thẳng đứng cạnh bên phải tường ốp		2	
	<b>Lát sàn</b>	<b>30</b>		
4.20	Kích thước phía bên trái của nền		2	Sai số 1mm trừ 0,3 đi
4.21	Kích thước phía bên phải của nền		2	
4.22	Kích thước phía trong của nền		2	
4.23	Kích thước phía ngoài của nền		2	
4.24	Góc trên bên trái của nền		2	
4.25	Góc trên bên phải của nền		2	
4.26	Độ ngang bằng phía bên trái của nền		2	
4.27	Độ ngang bằng phía bên phải của nền		2	
4.28	Độ ngang bằng phía trước của nền		2	
4.29	Độ ngang bằng qua đường chéo từ phải qua trái		2	
4.30	Phẳng mặt hàng thứ 2 phía trái của nền		2	
4.31	Phẳng mặt hàng thứ 2 phía phải của nền		2	
4.32	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía ngoài nền		2	
4.33	Phẳng mặt đường chéo nền từ trái qua phải		2	
4.34	Cao độ chuẩn thiết kế		2	
<b>5</b>	<b>Vệ sinh công nghiệp:</b>	<b>6</b>		
5.1	Không dọn dẹp sạch sẽ vị trí thi		2	
5.2	Không xếp gọn các dụng cụ và trang thiết bị vào đúng nơi quy định		2	
5.3	Không đổ rác đúng nơi quy định		2	
<b>6</b>	<b>An toàn lao động: Nếu không đội mũ bảo hộ, mặc quần áo bảo hộ và đeo găng tay bảo hộ, lần đầu tiên nhắc nhở, lần tiếp theo:</b>	<b>15</b>		
6.1	Không đội mũ và không đi giày bảo hộ		2	
6.2	Không mặc đủ quần áo bảo hộ		2	
6.3	Không đeo găng tay bảo hộ		2	
6.4	Làm bị thương bản thân hoặc người khác		5	
6.5	Làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của mình hoặc của người khác		4	
	<b>Tổng điểm:</b>	<b>100</b>		

#### IV. DANH MỤC DỤNG CỤ, THIẾT BỊ, VẬT TƯ

##### 4.1. Danh mục dụng cụ, thiết bị:

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy trộn vữa cầm tay	cái	01		
2	Xô	cái	02	20 lít	

3	Hộc	cái	01		
4	Thước vuông	Cái	01	30x50cm	
5	Ni vô	Cái	01	1,2m	
6	Thước tầm	Cái	01	2m	
7	Bay	cái	01		
8	Thước mét	Cái	01	5m	
9	Bàn xoa răng cưa	Cái	01		
10	Búa cao su	Cái	01		
11	Búa đinh	Cái	01		
12	Bút lấy dấu	Cái	01		Thí sinh chuẩn bị
13	Giày bảo hộ lao động	đôi	1		
14	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	1		
15	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	1	Loại cotton	
16	Mũ bảo hộ lao động	cái	1		

#### 4.2. Danh mục vật tư:

<i>TT</i>	<i>Tên vật tư</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Gạch men trắng	viên	70	200x250x6	
2	Keo ốp	kg	15		
3	Tấm gỗ phẳng	tấm	01	1,2mx1,2m	
4	Dây căng	cuộn	01		
5	Đinh mũ	cái	20	7cm	

### V. HƯỚNG DẪN DÀNH CHO THÍ SINH DỰ THI

- Thí sinh nhận thẻ dự thi từ Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề và phải đọc kỹ các thông tin về bản thân một cách chính xác.
- Nhận tài liệu và nghe phổ biến nội qui thi tại điểm thi.
- Chuẩn bị các dụng cụ vật tư theo bảng danh mục dành cho thí sinh.
- Trước khi bắt đầu thi: kiểm tra tên và số lượng về loại vật liệu, thiết bị được cung cấp theo đề thi. Nếu tìm thấy loại vật liệu và thiết bị được cung cấp có sự sai khác so với đề thi thì đề nghị thay thế.
- Không được đề nghị thay thế loại vật liệu, thiết bị khi bài thi bắt đầu. Nếu xin thêm vật liệu, thiết bị sẽ bị trừ điểm theo qui định.
- Chỉ được sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị, vật tư theo quy định đề thi.
- Không được sử dụng bất cứ loại vật liệu, thiết bị, sản phẩm lắp đặt trước mang từ bên ngoài vào.
- Khi thực hiện bài thi phải mặc quần áo bảo hộ, đi giày, mũ bảo hộ và găng tay phù hợp, an toàn với công việc. Nếu không sẽ bị trừ điểm theo qui định.
- Nếu không thực hiện xong bài thi theo thời gian qui định sẽ bị trừ điểm theo qui định về thời gian.
- Không được viết trước ra giấy, không được thảo luận với người khác, cấm sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị có tính năng ghi âm, ghi hình ... liên quan đến bài thi trong quá trình thi.

- Bài thi của người dự thi sẽ không được đánh giá nếu: đem sản phẩm từ bên ngoài vào, sử dụng vật liệu bên ngoài, chưa lắp dựng và bài thi sẽ bị dừng ngay nếu nhận thấy vấn đề an toàn lao động ở mức độ nguy hiểm.
- Bài thi của người dự thi sẽ không được đánh giá nếu thí sinh lấy vật liệu, hoặc thiết bị cho bài thi của thí sinh khác trong cùng ca thi.
- Nếu cần xin thêm vật tư thiết bị trong quá trình thi thì phải báo với giám khảo hoặc cán bộ coi thi giải quyết.
- Phản ánh kịp thời tới Hội đồng thi nếu phát hiện các giám khảo, thí sinh khác có biểu hiện tiêu cực trong kỳ thi.
- Gửi Hội đồng thi các đồ dùng không nằm trong danh mục nguyên vật liệu qui định của bài thi và nhận lại khi hoàn thành bài thi.



**4. MẪU PHIẾU CHẤM ĐIỂM:** Điểm đạt được là ... điểm, số điểm bị trừ ... điểm.

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THI: ỐP TƯỜNG VÀ LÁT SÀN**

Họ và tên người dự thi: .....

Ngày thi: ..... / ..... / 20.....

Vị trí thi số: .....

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Nội dung đánh giá	Kết quả hoặc giá trị yêu cầu	Kết quả hoặc giá trị thực tế	Điểm	Ghi chú
1	Thời gian	5	Hoàn thành trước hoặc đúng thời gian	5			
		3	Chậm đến 5 phút				
		2	Chậm trên 5 đến 10 phút				
		0	Chậm từ 10 phút trở lên				
2	Quy trình thực hiện	6	Đúng trình tự các bước và đảm bảo an toàn	6			
		1	Đo tính toán và lấy dấu trên mặt tường ốp và mặt lát sàn				
		1	Chuẩn bị mặt bằng ốp, lát và trộn vữa ốp, lát				
		1	Ốp các viên mosaic, các hàng mosaic, các viên giữa				
		1	Lát các viên mosaic, các hàng mosaic, các viên giữa				
		1	Làm mạch ốp, lát				
		1	Tháo dỡ và xếp vào nơi quy định				
3	Sử dụng vật liệu	2	Không lấy thêm vật liệu	2			
		1	Sử dụng thêm một phần tử vật liệu				
		0	Sử dụng thêm hai phần tử vật liệu				
4	Chất lượng sản phẩm	68	Chất lượng sản phẩm chính xác theo yêu cầu	68			
		38	<b>Ốp tường</b>				
		2	Kích thước phía bên trái của tường				Sai số 1mm trừ 0,3 điểm
		2	Kích thước phía bên phải của tường				
		2	Kích thước hàng trên cùng của mặt ốp				
2	Kích thước hàng trên cùng của mặt ốp						

	2	Kích thước hàng dưới cùng của mặt ốp				
	2	Góc vuông trên bên trái của tường				
	2	Góc vuông trên bên phải của tường				
	2	Độ ngang bằng cạnh trên của tường ốp				
	2	Độ ngang bằng mép trên của hàng gạch thứ 4				
	2	Độ ngang bằng phía trước của tường				
	2	Độ ngang bằng qua đường chéo từ phải qua trái				
	2	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía trái của tường				
	2	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía phải của tường				
	2	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía trên tường				
	2	Phẳng mặt đường chéo tường từ trái qua phải				
	2	Phẳng mặt đường chéo tường từ phải qua trái				
	2	Thẳng đứng mặt bên trái tường ốp				
	2	Thẳng đứng cạnh bên trái tường ốp				
	2	Thẳng đứng mặt bên phải tường ốp				
	2	Thẳng đứng cạnh bên phải tường ốp				
	<b>30</b>	<b>Lát sàn</b>				
	2	Kích thước phía bên trái của nền				Sai số 1mm trừ 0,3 điểm
	2	Kích thước phía bên phải của nền				
	2	Kích thước phía trong của nền				
	2	Kích thước phía ngoài của nền				
	2	Góc trên bên trái của nền				
	2	Góc trên bên phải của nền				
	2	Độ ngang bằng phía bên trái của nền				
	2	Độ ngang bằng phía bên phải của nền				
	2	Độ ngang bằng phía trước của nền				
	2	Độ ngang bằng qua đường chéo từ phải qua trái				
	2	Phẳng mặt hàng thứ 2 phía trái của nền				
	2	Phẳng mặt hàng thứ 2 phía phải của nền				

		2	Phẳng mặt hàng thứ 1 phía ngoài nền				
		2	Phẳng mặt đường chéo nền từ trái qua phải				
		2	Cao độ chuẩn thiết kế				
5	Vệ sinh công nghiệp	6	Vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng, đúng quy định	6			
		2	Dọn dẹp sạch sẽ vị trí thi				
		2	Xếp gọn các dụng cụ và trang thiết bị vào đúng nơi quy định				
		2	Đổ rác đúng nơi quy định				
6	An toàn lao động	15	Thực hiện đúng quy định an toàn LĐ	15			
		2	Đội mũ bảo hộ, đi giày bảo hộ				
		2	Mặc đủ quần áo bảo hộ				
		2	Đeo găng tay bảo hộ				
		5	Không làm bị thương bản thân hoặc người khác				
		4	Không làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của mình hoặc của người khác				

**Họ tên và chữ ký của người tham gia đánh giá:**

**Hội đồng thi tay nghề**

**Trưởng ban đánh giá**